

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149 /2023/HS-ST

Ngày 25/5/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Vân và ông Hạng Minh Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2023/TLST-HS ngày 10/3/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST-HS ngày 05/4/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Đức K**, sinh ngày 01/12/1995.

Tên gọi khác: Không. Giới tính: N.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 7, phường C, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Tổ 10, phường C, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không .

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Đỗ Văn H, con bà: Nguyễn Thị N, Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: 01. Tại Bản án số 287/HSST ngày 29/7/2020 của Tòa án nhân dân TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, bị xử phạt 6 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”. Chấp hành xong thời gian thử thách của án treo ngày 29/7/2021.

Tiền sự: Không.

Hiện bị cáo tại ngoại tại địa phương, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt)

Bị hại: Anh Nông Vũ N, sinh năm 1992; nơi cư trú: Xóm T, xã C, huyện T, tỉnh C (có đơn xin vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Tô H, sinh năm 1993; nơi cư trú: Xóm T, xã C, huyện T, tỉnh C; (có đơn xin vắng mặt)

Chị Phan Thị Như Q, sinh năm 1991; nơi cư trú: tổ 11, phường C, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin vắng mặt)

Người làm chứng:

Anh H Mạnh H1, sinh năm 1992

Anh Đỗ Đức D, sinh năm 2003

Cùng nơi cư trú: tổ 7, phường C, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt)

Chị Lê Thị Hương L, sinh năm 1989; nơi cư trú: xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nông Vũ N, sinh năm: 1992, nơi cư trú: Xóm T, xã C, huyện T, tỉnh C sinh ra và lớn lên tại phường C, thành phố TN nên có quen biết với Đỗ Đức K từ nhỏ. Đến năm 2008, gia đình anh N chuyển đến cư trú tại tỉnh Cao Bằng nhưng anh N vẫn giữ mối liên hệ với K.

Khoảng tháng 3/2021, anh N kể cho K biết anh N đang có nhu cầu đăng ký thi sát hạch cấp Giấy phép lái xe hạng C cho anh N và bạn của anh N là anh Nguyễn Tô H, sinh năm 1993 (cùng nơi cư trú với anh N) do biết chị họ của K là chị Lê Thị Hương L, sinh năm 1989, nơi cư trú: Xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ đăng ký của trường Trung cấp Nghề Giao thông Vận tải Thái Nguyên. Anh N chủ động nhờ K đăng ký hồ sơ thi sát hạch. Bản thân K không có tiền tiêu xài cá nhân nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh N. K nói dối anh N sẽ giúp anh N nộp hồ sơ và làm các thủ tục để anh N đi học và thi nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của anh N. Do tin tưởng K là bạn thân và biết K quen biết chị L nên anh N tin tưởng giao tiền cho K để nhờ K nộp hồ sơ hộ. Để anh N tin tưởng, K dùng thủ đoạn hướng dẫn anh N chuẩn bị ảnh thẻ, bản photo chứng minh nhân dân và lệ phí thi sát hạch 9.500.000 đồng/người đựng trong 01 phong bì cho mỗi hồ sơ đăng ký. Anh N tin tưởng chuẩn bị tài liệu và lệ phí thi sát hạch cho cả bản thân và anh Nguyễn Tô H (do anh H không có tiền nên anh N đã ứng ra cho H) như K hướng dẫn. Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 02/4/2021, anh N đến nhà anh H Mạnh H1, sinh năm 1992 (là bạn chung của anh N và K) tại tổ 7, phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đồng thời nhắn tin gọi K đến để nhận tài liệu và tiền đã chuẩn bị. Khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày, K đến gặp anh N đang có mặt cùng anh Hà. Lúc này, anh N đưa cho K 02 phong bì, mỗi phong bì là ảnh thẻ, bản photo chứng minh nhân dân của từng người (anh N và anh Nguyễn Tô H) và 9.500.000 đồng, tiền ngân hàng nhà nước Việt N đựng bên trong. K kiểm tra thì đã thấy đủ tổng số tiền là 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng) nên nhận và vẫn giả vờ hứa sẽ giúp anh N. Sau đó, K cất tài liệu trên của

anh N và anh H tại nhà và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Anh N hỏi thì K nói dối rằng đã nộp hồ sơ đăng ký của anh N và anh H cho chị L và đang chờ lịch thi.

Ngày 15/4/2021, do không có tiền trả nợ chị Phan Thị Như Q, sinh năm 1991, nơi cư trú: Tổ 11, phường C, thành phố TN số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), K nảy sinh ý định tiếp tục lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh N. Khi đó, K nhắn tin gợi ý cho anh N biết chị Q nhận giúp anh N và anh H “chạy lý thuyết thi sát hạch” (không cần học vẫn đủ điểm qua bài kiểm tra lý thuyết thi sát hạch) với giá 2.000.000 đồng/người. Nghe vậy, anh N tin tưởng đồng ý nhờ “chạy lý thuyết” cho anh N và anh H. Mặt khác, lúc này, K gọi điện thoại hỏi chị Q số tài khoản ngân hàng của chị Q để K chuyển tiền trả nợ thì chị Q gửi cho K biết số tài khoản 8506205150477 ngân hàng Agribank của chị Q. K nhắn tin cho anh N biết số tài khoản này để anh N chuyển tiền “chạy lý thuyết” theo hướng dẫn của K. Ngày 16/4/2021, anh N đang ở nhà tại Xóm T, xã C, huyện T, tỉnh C, đã chuyển thành công số tiền 4.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng Agribank số 8314205346472 của anh N đến tài khoản ngân hàng nêu trên của chị Q.

Sau đó, K không nộp hồ sơ đăng ký cho anh N mà vẫn cất giấu tại nhà. Anh N giục hỏi thì K vẫn che giấu rằng đã nộp hồ sơ, tiền cho chị L và chờ lịch thi do dịch bệnh. Tháng 12/2021, thấy K hứa hẹn nhiều lần, anh N không còn tin tưởng nên yêu cầu K trả lại tiền và hồ sơ. K sợ bị anh N phát hiện hành vi lừa đảo nên K hứa hẹn đến ngày 07/01/2022 sẽ trả lại tiền và hồ sơ cho anh N với lý do nói dối đã đưa tiền và hồ sơ cho chị Linh (là người mà K tự nghĩ ra để nói dối). Tháng 4/2022, anh N đến nhà K tại tổ 7, phường C, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên thì được em trai K là Đỗ Đức D, sinh năm 2003 đưa cho ảnh thẻ và bản photo chứng minh nhân dân của anh N và anh Nguyễn Tô H. Sau đó, anh N đã tự đến trường Trung cấp nghề giao thông vận tải và đăng ký thi sát hạch lái xe hạng C.

Ngày 29/8/2022, do K chưa trả số tiền đã chiếm đoạt nên anh N trình báo vụ việc trên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên đề nghị giải quyết.

Vật chứng của vụ án là:

Tổng số tiền 23.000.000 đồng K lừa của anh N, không thu hồi được.

02 bộ ảnh thẻ và CMTND của anh Nông Vũ N và Nguyễn Tô H đã được anh Nông Vũ N nhận lại.

Trách nhiệm dân sự: Ngày 27/12/2022, bị cáo đã bồi thường cho anh N số tiền 23.000.000 đồng, anh N không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 79/ CT-VKSTPTN ngày 14/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Đỗ Đức K về tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**, quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự:

Tại phiên tòa, bị cáo K đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, nhất trí nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên. Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị áp dụng điểm khoản 1 Điều 174, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 56, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo K từ 18 đến 24 tháng tù, buộc bị cáo chấp hành hình phạt của bản án số 287 ngày 29/7/2020 là 6 tháng tù cho hưởng án treo chuyển thành 6 tháng tù giam do bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 24 đến 30 tháng tù và buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan. Bị cáo nói lời sau cùng xin được hưởng mức án thấp nhất.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan toàn bộ các chứng cứ, ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi của bị cáo thấy rằng: Ngày 02/4/2021, tại nhà anh H Mạnh H1 ở tổ 7, phường C, thành phố TN, do tin tưởng K nên anh N đã đưa tài liệu thi sát hạch giấy phép lái xe theo K hướng dẫn và số tiền 19.000.000 đồng của mình cho K. Sau khi nhận tiền và hồ sơ xong K không nộp hồ sơ đăng ký thi sát hạch giấy phép lái xe hạng C cho anh N và anh H đồng thời đã tiêu sài hết số tiền 19.000.000 đồng.

Ngày 15/4/2021, K lại đưa ra thông tin gian dối nói với anh N có người “Chạy lý thuyết” thi sát hạch (không cần học nhưng vẫn đủ điểm qua bài thi lý thuyết) là chị Q làm ở Bộ giao thông vận tải để anh N tin tưởng và đã làm theo hướng dẫn của K, ngày 16/4/2021 anh N đã chuyển số tiền 4.000.000 đồng vào

tài khoản ngân hàng nông nghiệp của chị Phan Thị Như Q (thực tế là K nợ tiền chị Q).

Hành vi đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản của Đỗ Đức K đã phạm vào tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự:

Nội dung điều luật như sau:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Do đó bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật đã quy định.

[3]. Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân do đó cần phải xử bị cáo mức án nghiêm khắc

Xét nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ: Bị cáo được các hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường thiệt hại bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự Và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm, quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách. Do vậy cần áp dụng khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 6 tháng tù cho hưởng án treo tại bản án hình sự sơ thẩm số 287/2020/HSST ngày 29/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái nguyên, tỉnh Thái Nguyên về tội “Đánh bạc” và tổng hợp với hình phạt của bản án này.

[6] Về hình phạt: Sau khi xét hành vi, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thì cần xét xử bị cáo mức án theo quy định của pháp luật

[8]. Về hình phạt bổ sung: Hiện nay bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản gì. Do đó xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

[9]. Về vật chứng: Tổng số tiền 23.000.000 đồng K lừa của anh N, không thu hồi được.

02 bộ ảnh thẻ và CMTND của anh Nông Vũ N và Nguyễn Tô H đã được anh Nông Vũ N nhận lại.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với chị Phan Thị Như Q là người cung cấp số tài khoản cho K để K lừa anh N chuyển khoản số tiền 4.000.000 đồng, tuy nhiên chị Q không biết số tiền trên là tiền do K phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên không xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Đức K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 55 Điều 56 Khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Đức K 15 (mười lăm) tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 6 (sáu) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 287/2020/HSST ngày 29/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái nguyên, tỉnh Thái Nguyên về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ của bản án trước từ ngày 21/12/2019 đến ngày 27/12/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên
- VKSND tỉnh Thái Nguyên
- Công an TP Thái Nguyên
- CQ THAHS TP Thái Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;
- Trại tạm giam;
- UBND nơi BC cư trú;
- Bị cáo; Người TGTG khác;
- Lưu HS, Lưu VP

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Liên